Điệnmáygiágốc
Bảo hành chính hãng tận nơi SINCE 2002

LG

Điều hòa không khí 2020
LG DUALCOOL Inverter

ĐỘ BỀN CAO - HOẠT ĐỘNG BỀN BỈ

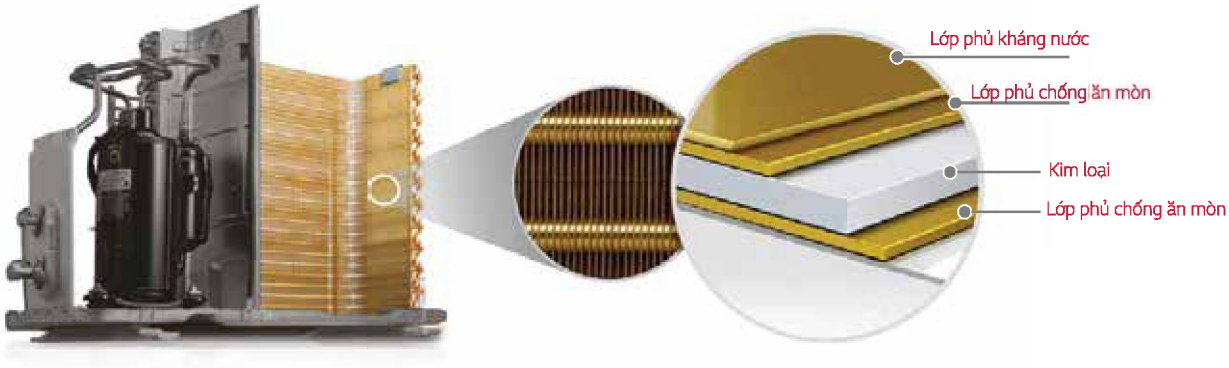

Lớp phủ thông thường

Lớp phủ Gold Fin™

Kết quả thu được sau 360 giờ được phun sương muối thử nghiệm ăn mòn
*Kết quả đạt được dựa trên điều kiện thử nghiệm của LG

Lớp phủ độc quyền Gold Fin™

- Tăng tuổi thọ máy
- Chống gỉ sét
- Bảo vệ dàn tản nhiệt, chống ăn mòn bởi các tác nhân bên ngoài như: không khí, nước, hơi mặn

Dàn tản nhiệt ống đồng

- Tăng hiệu quả trao đổi nhiệt
- Nâng cao khả năng làm lạnh

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG & LÀM LẠNH NHANH MẠNH MẼ

40%
LÀM LẠNH NHANH HƠN

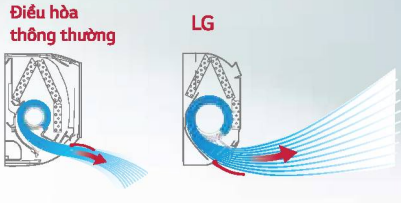

70%
TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

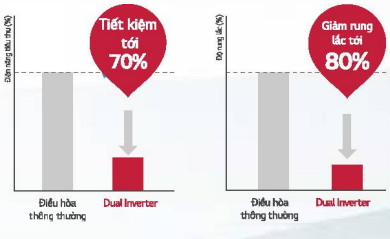

*Hiệu quả làm lạnh nhanh được chứng nhận bởi TÜV Rheinland
**Chỉ số tiết kiệm điện năng được chứng nhận bởi TÜV Rheinland

Máy nén DUAL INVERTER

Cải thiện độ bền & Tốc độ làm lạnh nhanh

Công nghệ máy nén Dual Inverter với thiết kế đặc biệt giúp motor máy nén có thể hoạt động ở dải tần số rộng hơn các dòng máy nén thông thường:

- Nâng cao hiệu quả trao đổi nhiệt
- Cải tiến hiệu suất nén
- Tối thiểu hóa năng lượng tiêu thụ

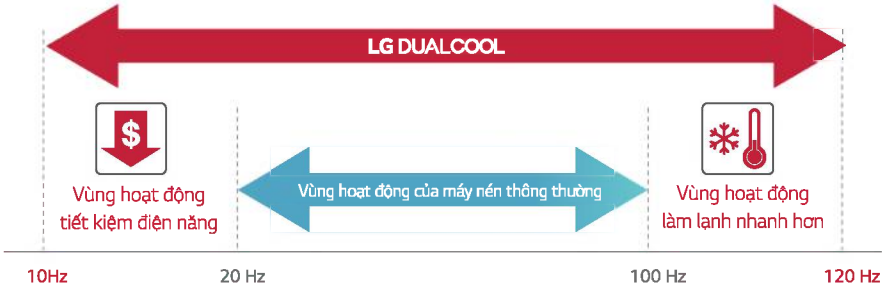

Kiểm soát năng lượng chủ động

4 bước kiểm soát giúp tiết kiệm điện năng

Chức năng này cho phép người dùng chủ động lựa chọn mức độ điện năng tiêu thụ tùy theo nhu cầu sử dụng, như số lượng người trong phòng và mức độ hoạt động.
Nhấn nút kiểm soát năng lượng "Energy Cont" để lựa chọn mức độ điện năng tiêu thụ phù hợp.

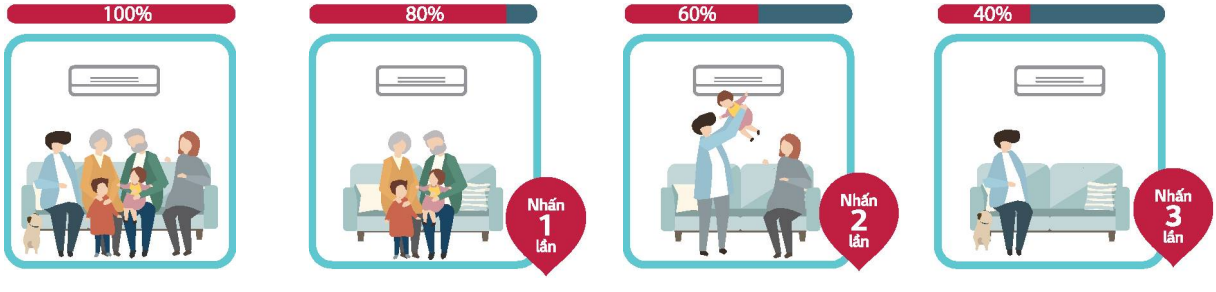

Kết quả thử nghiệm: Giới hạn mức điện năng tiêu thụ từ 40–80% so với mức tiêu thụ thông thường

— Khả năng làm lạnh
— Điện năng tiêu thụ
↔ Hiệu quả đạt được

*** Điều kiện thử nghiệm**: Nhiệt độ thường
Nhiệt độ trong nhà: 28°C
Nhiệt độ bên ngoài: 32°C
*** Model thử nghiệm**: 12.000 Btu

*Kết quả đạt được dựa trên điều kiện thử nghiệm của LG

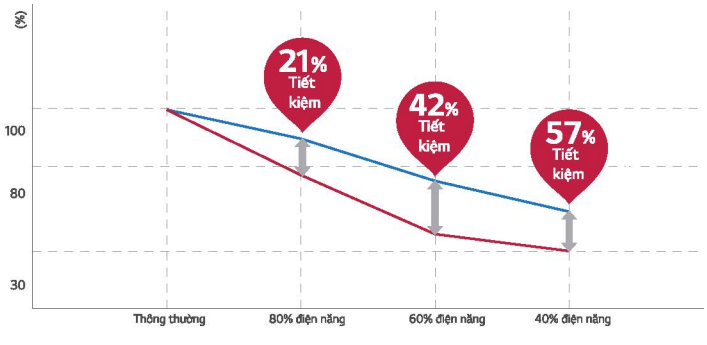

THANH LỌC KHÔNG KHÍ & BẢO VỆ SỨC KHỎE TOÀN DIỆN

Trong không khí luôn tiềm ẩn các hạt vi bụi siêu nhỏ, không thể nhìn thấy bằng mắt thường, nhưng có thể gây ảnh hưởng đến hệ hô hấp và sức khỏe của các thành viên trong gia đình.

Máy điều hòa không khí thông thường với khả năng lọc khí vẫn còn hạn chế không thể lọc sạch các hạt vi bụi. Hệ thống lọc khí ưu việt của LG sẽ giúp loại bỏ các hạt vi bụi, các tác nhân gây dị ứng, ngăn chặn sự phát triển của vi khuẩn và vi rút, loại bỏ mùi khó chịu. Mang đến một không gian sống trong lành, khỏe mạnh cho cả gia đình.

Thanh lọc không khí vượt trội

BƯỚC 1

Phát hiện mức độ ô nhiễm

Cảm biến bụi PM 1.0 liên tục đo lường chất lượng không khí & tự động kích hoạt tính năng lọc không khí khi phát hiện ô nhiễm

BƯỚC 2

Giải phóng ion

5 triệu ion âm được giải phóng và bắt giữ các phân tử gây ô nhiễm

BƯỚC 3

Lưới lọc

Tấm lọc kép loại bỏ các hạt bụi một cách hiệu quả

BƯỚC 4

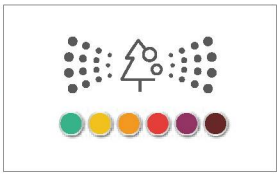

Hiển thị chất lượng không khí

Màn hình hiển thị chất lượng không khí (6 mức độ)

Tạo ION PLASMASTER tăng cường

Hơn 3 triệu ion được giải phóng từ bộ tạo ion Plasmaster giúp vô hiệu hóa vi khuẩn, vi rút, loại bỏ mùi hôi trong không khí

BƯỚC 1

Giải phóng phân tử ion
Các ion âm và dương được giải phóng vào không khí

BƯỚC 2

Bắt giữ các phần tử gây ô nhiễm
ion H+ và O– bao bọc các phần tử gây ô nhiễm

BƯỚC 3

Hình thành các gốc OH
Gốc OH bắt giữ các tác nhân gây ô nhiễm

BƯỚC 4

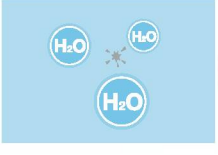

Phản ứng hóa học
Gốc OH lấy đi Hydro của phần tử gây ô nhiễm

BƯỚC 5

Hoàn thành quá trình diệt khuẩn
Gốc OH kết hợp với Hydro của phần tử gây hại tạo thành H20 và diệt khuẩn hoàn toàn

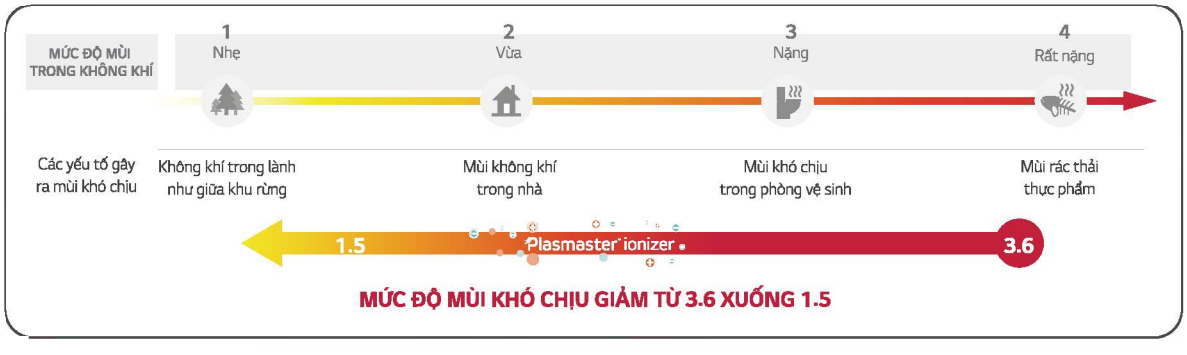

Tấm lọc các tác nhân gây dị ứng

Bắt giữ và loại bỏ các tác nhân gây dị ứng và các phần tử có khả năng gây ra các bệnh về đường hô hấp. Tấm vi lọc bụi với bề mặt tích điện giúp bắt giữ các phần tử gây hại một cách hiệu quả, đặc biệt các phần tử có kích thước siêu nhỏ 0.3 micromet như: vi khuẩn, khói thuốc, khí thải từ phương tiện giao thông.

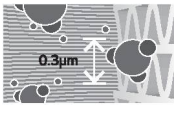

Bắt giữ các hạt bụi, kể cả các hạt siêu nhỏ 0.3 micromet

Tấm vi lọc bụi với bề mặt tích điện âm vô hiệu hóa các hạt bụi.

Mang đến bầu không khí trong lành

ỨNG DỤNG THÔNG MINH LG THINQ
CUỘC SỐNG DỄ DÀNG HƠN – THUẬN TIỆN HƠN

*Chức năng này có thể thay đổi tùy theo model
*Áp dụng với các điều hòa có WIFI

Điều khiển bằng giọng nói

***

Chỉ với câu lệnh đơn giản, điều hòa LG có thể được bật/tắt, tùy chỉnh chế độ hoạt động và điều chỉnh nhiệt độ mà không cần sử dụng chiếc điều khiển truyền thống.

Ứng dụng hỗ trợ:
Google Assistant/ Amazon Alexa

Điều khiển qua kết nối wifi

***

Với ứng dụng LG ThinQ , người dùng có thể truy cập và điều khiển điều hòa mọi lúc mọi nơi thông qua kết nối wifi.
Thật dễ dàng để khởi động điều hòa và làm mát căn phòng trước khi trở về nhà.

Điều hòa LG* được tích hợp sẵn Wi-Fi giúp người dùng không cần tốn thêm bất kỳ chi phí nào để sử dụng tính năng thông minh này.

Chẩn đoán thông minh

***

Tính năng hỗ trợ thông minh giúp người dùng có thể kiểm tra tình trạng máy, mức điện năng tiêu thụ hoặc cập nhật thông tin bộ lọc một cách thuận tiện nhất.

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

**Tính năng có thể thay đổi theo từng model tại từng quốc gia

CHẨN ĐOÁN THÔNG MINH

Áp dụng cho tất cả models 2020

Available on the iPhone App Store

GET IT ON Google Play

Chẩn đoán thông minh thông qua ứng dụng LG ThinQ, cho phép người dùng dễ dàng kiểm tra tình trạng máy. Các thông tin khác của sản phẩm, vui lòng gửi trực tiếp tới Trung tâm dịch vụ khách hàng.

Khả năng Chẩn đoán thông minh:

- Kiểm tra trạng thái hoạt động
- Giám sát thông tin hoạt động
- Mức điện năng tiêu thụ
- Sử dụng hướng dẫn bảo trì
- Cung cấp thông tin bộ lọc

1. Gửi tín hiệu (Bấm nút Smart Diagnosis)
2. Phân tích và truyền tin
3. Hiển thị thông tin máy điều hòa

1. Gửi tín hiệu (Nhấn và giữ 5s nút nhiệt độ phòng Room Temp)
2. Phát ra âm thanh và truyền thông tin
3. Hiển thị thông tin máy điều hòa

ĐIỀU HÒA INVERTER 1 CHIỀU THANH LỌC KHÔNG KHÍ

Model APF

Công suất BTU/H (HP)			9.000 (1HP)	12.000 (1.5HP)
Model			V10APF	V13APF
Công suất làm lạnh (nhỏ nhất - lớn nhất)		kW	2.70 (0.53 - 3.49)	3.52 (0.59 - 3.96)
		Btu/h	9.200 (1.800 - 11.900)	12.000 (2.000 - 13.500)
Hiệu suất năng lượng CSPF		W/W	5.17	5.22
Nhãn năng lượng		số sao	★★★★★	★★★★★
Nguồn điện		Ø, V, Hz	1 pha, 220 - 240V - 50Hz	1 pha, 220 - 240V - 50Hz
Điện năng tiêu thụ (nhỏ nhất - lớn nhất)	Làm lạnh	W	770 (150 - 1.000)	1.090 (200 - 1.290)
Cường độ dòng điện (nhỏ nhất - lớn nhất)	Làm lạnh	A	4.40 (0.90 - 6.00)	6.10 (1.10 - 7.20)
DÀN LẠNH				
Lưu lượng gió	Làm lạnh	m^3/min	10.5 / 9.0 / 6.6 / 4.2	11.0 / 10.0 / 6.6 / 4.2
Độ ồn (Cao/ TrungBình/ Thấp/ SiêuThấp)		dB(A)	39 / 33 / 27 / 21	41 / 35 / 27 / 21
Kích thước (RxCxS)	Net	mm	857 × 348 × 190	857 × 348 × 190
Trọng lượng	Net	kg	9.6	9.6
DÀN NÓNG				
Lưu lượng gió	Tối Đa	m^3/min	28.0	28.0
Độ ồn	Làm lạnh	dB(A)	50	50
Kích thước (RxCxS)	Net	mm	720 × 500 × 230	720 × 500 × 230
Trọng lượng	Net	kg	21.7	23
Giới hạn hoạt động	Làm lạnh	°C DB	18 – 48	18 – 48
Đường kính ống dẫn	Lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35
	Gas	mm	ø 9.52	ø 9.52
Chiều dài ống	Tối thiểu/ tiêu chuẩn/ tối đa	m	3 / 7.5 / 20	3 / 7.5 / 20
	Chiều dài không cần nạp	m	12.5	12.5
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15
Môi chất lạnh	Loại gas	-	R32	R32
	Ga nạp bổ sung	g/m	15	15
Cấp nguồn			Khối trong nhà	Khối trong nhà

**Nhà sản xuất khuyến cáo nên vệ sinh thường xuyên và thay mới bộ lọc tối thiểu 1 lần 1 năm nhằm tối ưu hiệu quả lọc khí.

ĐIỀU HÒA INVERTER 1 CHIỀU SANG TRỌNG

Model API

Công suất BTU/H (HP)			9.000 (1HP)	12.000 (1.5HP)
Model			V10API	V13API
Công suất làm lạnh (nhỏ nhất - lớn nhất)		kW	2.70 (0.53 - 3.49)	3.50 (0.59 - 3.96)
		Btu/h	9,200 (1,800 - 11,900)	12,000 (2,000 - 13,500)
Hiệu suất năng lượng CSPF		W/W	5.33	5.19
Nhãn năng lượng		số sao	★★★★★	★★★★★
Nguồn điện		Ø, V, Hz	1 pha, 220 - 240V - 50Hz	1 pha, 220 - 240V - 50Hz
Điện năng tiêu thụ (nhỏ nhất - lớn nhất)	Làm lạnh	W	770 (150 - 1,000)	1,030 (200 - 1,290)
Cường độ dòng điện (nhỏ nhất - lớn nhất)	Làm lạnh	A	4.40 (0.90 - 6.00)	5.90 (1.10 - 7.20)
DÀN LẠNH				
Lưu lượng gió	Làm lạnh	m³/min	10.5 / 9.0 / 6.6 / 4.2	13 / 10.0 / 6.6 / 4.2
Độ ồn (Cao/ TrungBình/ Thấp/ SiêuThấp)		dB(A)	39 / 33 / 27 / 21	41 / 35 / 27 / 21
Kích thước (RxCxS)	Net	mm	837 x 308 x 189	837 x 308 x 189
Trọng lượng	Net	kg	8.7	8.7
DÀN NÓNG				
Lưu lượng gió	Tối Đa	m³/min	28.0	28.0
Độ ồn	Làm lạnh	dB(A)	50	50
Kích thước (RxCxS)	Net	mm	720 x 500 x 230	720 x 500 x 230
Trọng lượng	Net	kg	21,7	23
Giới hạn hoạt động	Làm lạnh	°C DB	18 – 48	18 – 48
Đường kính ống dẫn	Lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35
	Gas	mm	ø 9.52	ø 9.52
Chiều dài ống	Tối thiểu/ tiêu chuẩn/ tối đa	m	3 / 7.5 / 20	3 / 7.5 / 20
	Chiều dài không cần nạp	m	12.5	12.5
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	15	15
Môi chất lạnh	Loại gas	-	R32	R32
	Ga nạp bổ sung	g/m	15	15
Cấp nguồn			Khối trong nhà	Khối trong nhà

**Nhà sản xuất khuyến cáo nên vệ sinh thường xuyên và thay mới bộ lọc tối thiểu 1 lần 1 năm nhằm tối ưu hiệu quả lọc khí.

ĐIỀU HÒA INVERTER 1 CHIỀU PHỔ THÔNG

* Chức năng này có thể thay đổi tùy theo model

Model V10APH

Model V13APH

Model ENF

Công suất BTU/H (HP)			9.000 (1HP)	12.000 (1.5HP)	18.000 (2HP)	24.000 (2.5HP)
Model			V10APH	V13APH	V18ENF	V24ENF
Công suất làm lạnh (nhỏ nhất - lớn nhất)		kW	2.70 (0.88 - 2.78)	3.52 (0.59 - 3.96)	5.28 (1.00 - 5.86)	6.30 (1.11 - 6.98)
		Btu/h	9,200 (3,000 - 9,500)	12,000 (2,000 - 13,500)	18.000 (3.400 - 20.000)	21.500 (3.800 - 23.800)
Hiệu suất năng lượng CSPF		W/W	4.31	5.26	5.33	5.62
Nhãn năng lượng		số sao	★★★★★	★★★★★	★★★★★	★★★★★
Nguồn điện		Ø, V, Hz	1 pha, 220 - 240V - 50Hz	1 pha, 220 - 240V - 50Hz	1 pha, 220 - 240V - 50Hz	1 pha, 220 - 240V - 50Hz
Điện năng tiêu thụ (nhỏ nhất - lớn nhất)	Làm lạnh	W	920 (250 - 1,000)	1,030 (200 - 1,290)	1,540 (250 - 2,000)	1,850 (320 - 2,600)
Cường độ dòng điện (nhỏ nhất - lớn nhất)	Làm lạnh	A	5.20 (1.20 - 5.90)	5.90 (1.10 - 7.20)	7.10 (0.70 - 10.00)	8.50 (2.20- 12.00)
DÀN LẠNH						
Lưu lượng gió	Làm lạnh	m³/min	7.8 / 6.7 / 5.0 / 4.3	13.0 / 10.0 / 6.6 / 4.2	18.0 / 12.7 / 10.2 / 8.4	20 / 15 / 12.5 / 10.6
Độ ồn (Cao/ TrungBình/ Thấp/ SiêuThấp)		dB(A)	38 / 33 / 29 / 27	41 / 35 / 27 / 21	45 / 40 / 37 / 32	47 / 41 / 37 / 32
Kích thước (RxCxS)	Net	mm	756 x 265 x 184	837 x 308 x 189	998 × 345 × 210	998 × 345 × 210
Trọng lượng	Net	kg	7.7	8.7	11.2	11.6
DÀN NÓNG						
Lưu lượng gió	Tối Đa	m³/min	28.0	28.0	31	49
Độ ồn	Làm lạnh	dB(A)	50	50	53	55
Kích thước (RxCxS)	Net	mm	720 x 500 x 230	720 × 500 × 230	770 x 545 x 288	870 × 650 × 330
Trọng lượng	Net	kg	22.2	23	32.5	42.5
Giới hạn hoạt động	Làm lạnh	°C DB	18 ~ 48	18 ~ 48	18 ~ 48	18 ~ 48
Đường kính ống dẫn	Lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
	Gas	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 12.7	ø 15.88
Chiều dài ống	Tối thiểu/ tiêu chuẩn/ tối đa	m	3 / 7.5 / 15	3 / 7.5 / 20	3 / 7.5 / 30	3 / 7.5 / 30
	Chiều dài không cần nạp	m	7.5	12.5	12.5	12.5
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	7	15	20	20
Môi chất lạnh	Loại gas	-	R32	R32	R32	R32
	Ga nạp bổ sung	g/m	15	15	15	20
Cấp nguồn			Khối trong nhà	Khối trong nhà	Khối trong nhà	Khối trong nhà

**Nhà sản xuất khuyến cáo nên vệ sinh thường xuyên và thay mới bộ lọc tối thiểu 1 lần 1 năm nhằm tối ưu hiệu quả lọc khí.

ĐIỀU HÒA INVERTER 1 CHIỀU TIÊU CHUẨN

* Chức năng này có thể thay đổi tùy theo model

Model V10ENW

Model V13ENS

Model V10ENH

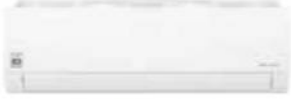

Model V13ENH

Công suất BTU/H (HP)			9.000 (1HP)	12.000 (1.5HP)	9.000 (1HP)	12.000 (1.5HP)
Model			V10ENW	V13ENS	V10ENH	V13ENH
Công suất làm lạnh (nhỏ nhất - lớn nhất)		kW	2.70 (0.88 - 2.78)	3.50 (0.59 - 3.96)	2.70 (0.88 - 2.78)	3.28 (0.59 x 3.81)
		Btu/h	9,200 (3,000 - 9,500)	12,000 (2,000 -13,500)	9,200 (3,000 - 9,500)	11,200 (2,000 - 13,000)
Hiệu suất năng lượng CSPF		W/W	4.29	5.40	4.31	4.69
Nhãn năng lượng		số sao	★★★★★	★★★★★	★★★★★	★★★★★
Nguồn điện		Ø, V, Hz	1 pha, 220 - 240V - 50Hz	1 pha, 220 - 240V - 50Hz	1 pha, 220 - 240V - 50Hz	1 pha, 220 - 240V - 50Hz
Điện năng tiêu thụ (nhỏ nhất - lớn nhất)	Làm lạnh	W	920 (250 - 1,000)	1,030 (200 - 1,290)	920 (250 - 1,000)	1,090 (200 - 1,290)
Cường độ dòng điện (nhỏ nhất - lớn nhất)	Làm lạnh	A	5.20 (1.20 - 5.90)	5.90 (1.10 - 7.20)	5.20 (1.20 - 5.90)	6.10 (1.10 - 7.20)
DÀN LẠNH						
Lưu lượng gió	Làm lạnh	m³/min	7.8 / 6.7 / 5.0 / 4.3	13.0 / 10.0 / 6.6 / 4.2	7.8 / 6.7 / 5.0 / 4.3	13.0 / 10.0 / 6.6 / 4.2
Độ ồn (Cao/ TrungBình/ Thấp/ SiêuThấp)		dB(A)	38 / 33 / 29 / 27	41 / 35 / 27 / 21	38 / 33 / 29 / 27	41 / 35 / 27 / 21
Kích thước (RxCxS)	Net	mm	756 x 256 x 184	837 x 308 x 189	756 x 265 x 184	837 x 308 x 189
Trọng lượng	Net	kg	7.7	8.7	7.7	8.7
DÀN NÓNG						
Lưu lượng gió	Tối Đa	m³/min	28.0	28.0	28	28
Độ ồn	Làm lạnh	dB(A)	50	50	50	50
Kích thước (RxCxS)	Net	mm	720 x 500 x 230	720 × 500 × 230	720 x 500 x 230	720 x 500 x 230
Trọng lượng	Net	kg	20.9	23	22.2	22.1
Giới hạn hoạt động	Làm lạnh	°C DB	18 ~ 48	18 ~ 48	18 ~ 48	18 ~ 48
Đường kính ống dẫn	Lỏng	mm	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35	ø 6.35
	Gas	mm	ø 9.52	ø 9.52	ø 9.52	ø 9.52
Chiều dài ống	Tối thiểu/ tiêu chuẩn/ tối đa	m	3 / 7.5 / 15	3 / 7.5 / 20	3 / 7.5 / 15	3 / 7.5 / 20
	Chiều dài không cần nạp	m	7.5	12.5	7.5	12.5
	Chênh lệch độ cao tối đa	m	7	15	15	15
Môi chất lạnh	Loại gas	-	R32	R32	R32	R32
	Ga nạp bổ sung	g/m	15	15	15	15
Cấp nguồn			Khối trong nhà	Khối trong nhà	Khối trong nhà	Khối trong nhà

TÍNH NĂNG CHÍNH CÁC DÒNG SẢN PHẨM

DÒNG MÁY		INVERTER 1 CHIỀU THANH LỌC KHÔNG KHÍ		INVERTER 1 CHIỀU SANG TRỌNG	
MODEL		V10APF	V13APF	V10API	V13API
Tiết kiệm năng lượng	Máy nén Dual Cool Inverter	●	●	●	●
	Kiểm soát năng lượng chủ động	●	●	●	●
Mát lạnh dễ chịu	Làm lạnh nhanh	●	●	●	●
	Tự động điều khiển hướng gió 4 chiều	●	●	●	●
	Hướng gió dễ chịu	●	●	●	●
Thanh lọc Không khí	Bộ cảm biến mức độ mức độ gây ô nhiễm	●	●		
	Hoạt động độc lập như một máy lọc không khí	●	●	●	●
	Lọc khí bằng ion	●	●	●	●
	Tấm lọc kép	●	●		
	Tấm lọc các tác nhân gây dị ứng			●	●
	Tấm lọc sơ cấp	●	●	●	●
	Tự động làm sạch	●	●	●	●
Tính năng thông minh	Điều khiển từ xa wifi	●	●	●	●
	Chẩn đoán thông minh	●	●	●	●
	Đèn hiển thị thông minh trên dàn lạnh	●	●	●	●
Độ bền cao, hoạt động ổn định	Dàn tản nhiệt ống đồng	●	●	●	●
	Lớp phủ chống ăn mòn Gold Fin	●	●	●	●
	Bảo hành máy nén Dual Cool Inverter	10 NĂM	10 NĂM	10 NĂM	10 NĂM

INVERTER 1 CHIỀU PHỔ THÔNG				INVERTER 1 CHIỀU TIÊU CHUẨN		INVERTER TIÊU
V10APH	V13APH	V18ENF	V24ENF	V10ENW	V13ENS	V10ENH
●	●	●	●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●
	●					
●	●	●	●	●	●	●
●	●					
●	●					
●	●					
●	●	●	●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●
	●	●	●		●	
●	●	●	●	●	●	●
●	●	●	●	●	●	●
10 NĂM	10 NĂM	10 NĂM	10 NĂM	10 NĂM	10 NĂM	10 NĂM

*Sản phẩm áp dụng tại một số trung tâm điện máy nhất định

BẢO HÀNH MÁY NÉN 10 NĂM

* Độ bền của sản phẩm được chứng nhận bởi TÜV RHEINLAND

TỰ ĐỘNG LÀM SẠCH

Ngăn ngừa sự hình thành vi khuẩn và nấm mốc trong dàn lạnh, giúp mang đến một môi trường trong lành, dễ chịu và thoải mái hơn

Loại bỏ vi khuẩn

Loại bỏ mùi khó chịu

Loại bỏ nấm mốc

MÔI CHẤT LẠNH THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Môi chất R32 có thể đạt được hiệu quả
làm lạnh cao hơn so với môi chất R410A và R22
Bảo vệ môi trường, không phá hủy tầng ozone

*Chức năng này có thể thay đổi tùy theo model

CÁC CHỨNG NHẬN

*Chỉ số tiết kiệm điện năng được chứng nhận bởi TÜV Rheinland
*Hiệu quả làm lạnh nhanh được chứng nhận bởi TÜV Rheinland
*Độ bền của sản phẩm được chứng nhận bởi TÜV Rheinland

*Hiệu quả kháng khuẩn được chứng nhận bởi Intertek

*Khả năng loại bỏ bụi bẩn được xác nhận bởi Hiệp hội làm sạch không khí Hàn Quốc

GIẢI THƯỞNG

V10APF – "Đồ gia dụng thông minh xuất sắc"
tại TechAwards 2018

LG

FAST Service

DỊCH VỤ BẢO HÀNH NHANH CHÓNG - THUẬN TIỆN - DỄ DÀNG

8 TRUNG TÂM BẢO HÀNH TRỰC THUỘC

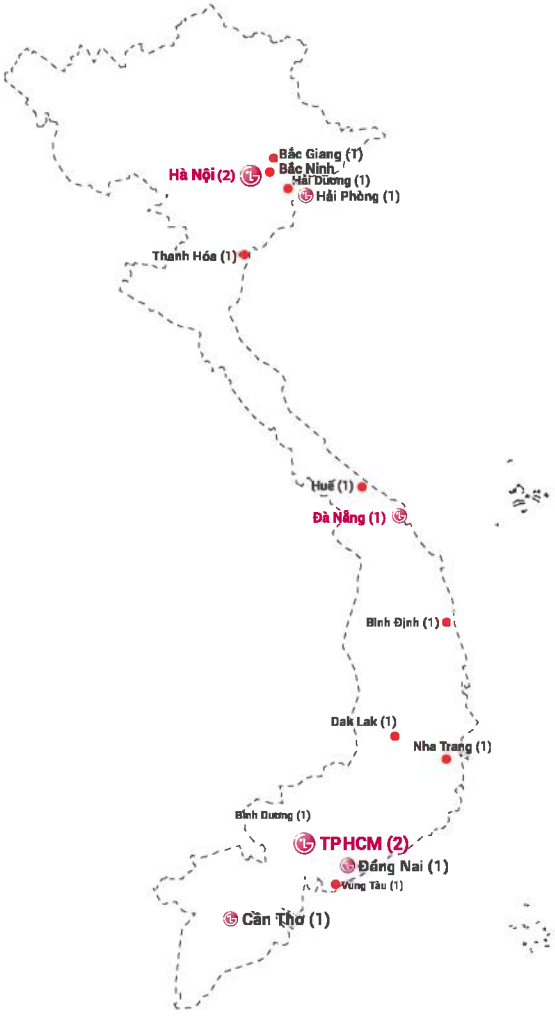

21 TRUNG TÂM BẢO HÀNH ĐỘC QUYỀN TRÊN TOÀN QUỐC

91 TRUNG TÂM BẢO HÀNH ỦY QUYỀN TRÊN TOÀN QUỐC

- Mạng lưới bảo hành toàn quốc, dễ dàng liên lạc qua HOTLINE
- Dịch vụ nhanh: Phản hồi trong vòng 2h và sửa chữa nhanh trong 1 ngày (*)
- Bảo dưỡng miễn phí hàng năm: Miễn phí vệ sinh máy & nạp ga (**)
- 10 NĂM BẢO HÀNH — Bảo hành máy nén 10 NĂM

CÔNG TY LG ELECTRONICS VIỆT NAM

VP Hà Nội
Tầng 35, Tòa nhà Keangnam, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm – Tel: 024 3934 5151

VP HCM
Tầng 5, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1
Tel: 028 3925 6886

VP Đà Nẵng
Tầng 9, Tòa nhà Indochina, 74 Bạch Đằng
Tel: 0236 3691 307

VP Nha Trang
Tầng 7, Tòa nhà Nha Trang, 42 Lê Thành Phương
Tel: 0258 3813 468

VP Cần Thơ
Số 28, Đường 3-2, Ninh Kiều - Tel: 0710 374 0405

Hotline miễn phí: **1800-1503**

www.lg.com/vn

Friendliness — Trao nụ cười
Accessibility — Mang thuận tiện
Solution — Đưa giải pháp
Trust — Tạo niềm tin

Vì lý do nghiên cứu và phát triển, LG có thể thay đổi thông số kỹ thuật mà không cần báo trước * Với linh kiện có sẵn ** Nội dung chương trình có thể thay đổi tùy từng năm

Đại lý phân phối Điệnmáygiágốc
Bảo hành chính hãng tận nơi SINCE 2002

32/28 Đường 35, Khu phố 1, P. Bình An, TP. Thủ Đức, TP. HCM

• **Showroom**
57 Song Hành, P. An Phú, TP. Thủ Đức, TP. HCM

• **Điện thoại (08:00 - 17:00)**
0902 390 599 - 0898 477 699

CÔNG TY LG ELECTRONICS VIỆT NAM

• **Văn phòng Hà Nội**
Tầng 35, Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Q. Nam Từ Liêm
Tel: (024) 3934 5151

• **Văn phòng Đà Nẵng**
Tầng 9, Tòa nhà Indochina, 74 Bạch Đằng
Tel: (023) 6369 1307

• **Văn phòng Cần Thơ**
Số 28, Đường 3-2, Ninh Kiều
Tel: (071) 0374 0405

• **Văn phòng Hồ Chí Minh**
Tầng 5, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Q.1
Tel: (028) 3925 6886

• **Văn phòng Nha Trang**
Tầng 7, Tòa nhà Nha Trang, 42 Lê Thành Phương
Tel: (025) 8381 3468